

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HS-PT
Ngày 27-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triền.

Các Thẩm phán:

+ Ông Phạm Văn Tâm;

+ Ông Trần Tuấn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 180/2020/TLPT-HS ngày 23 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Cù Quang V cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch, Lâm Thị Tuyết A, Trần Ngọc T, đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 92/2020/HS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh năm 1978 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: xã Th, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Ngọc Bích; mẹ: Trần Thị Tuyền; chồng tên Huỳnh Văn Lành (đã ly hôn); con: 02 người, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Lâm Thị Tuyết A, sinh năm 1992, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; cha:

Lâm Hữu Hùng; mẹ: Lương Thị Kim Dung; chồng: Cù Quang V (bị cáo trong vụ án); con: 02 người, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Ngọc T (Tý), sinh năm 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; cha: Trần Ngọc Châu; mẹ: Nguyễn Thị Tươi; vợ: Nguyễn Thị Bé Dung; con: 01 người sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không có; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Cù Quang V, Lê Quốc Tr, Lê Văn Th, Đào Thị Kim Ngkhông có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

Bị hại: Tòa án không triệu tập

1. Anh Lê Anh Th, sinh năm 1979; nơi cư trú: xã B, huyện B, tỉnh Tây Ninh;

2. Anh Đào Văn Th, sinh năm 1976; nơi cư trú: xã N, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Huỳnh Đức H, sinh năm 1978; nơi cư trú: xã T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh ; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Đào Văn Th, sinh năm 1976, ngụ xã N, huyện D, tỉnh Tây Ninh thiếu tiền mua cây cao su thanh lý của Nguyễn Thị Ngọc Ch với số tiền là 160.000.000 đồng; do Ch đòi tiền nhiều lần nhưng anh Th không trả nên Ch tìm người thuê đòi nợ.

Anh Huỳnh Quốc Đại, sinh ngày 08-8-2002 (con ruột của Ch) biết sự việc và nhờ anh Lê Quốc Trung, sinh ngày 27-5-2002, ngụ ấp Trảng Trai, xã Tân Hòa, huyện C là bạn học tìm giùm và Trung đã giới thiệu Lê Quốc Tr, đòi nợ cho Ch .

Vào ngày 14-5-2019, tại quán cà phê “Chỗ Cũ” tại khu phố 4, thị trấn C như đã hẹn, Ch gặp và thỏa Th thuê Tr đòi nợ anh Th với tiền công 40% trên tổng số tiền đòi được, thì Tr đồng ý và Ch đưa trước 5.000.000 đồng để làm Ch phí; Tr rủ Cù Quang V cùng đi đòi nợ.

Để thực hiện trót lọt hành vi, ngày 15-5-2019, V kêu vợ là Lâm Thị Tuyết A điện thoại cho anh Th (giả vờ là người cần bán 3,5 ha cao su thanh lý) gần cầu Tha La thuộc xã S, huyện C với giá thanh lý với giá 80.000.000 đồng/ha và hẹn gặp nhau tại quán cà phê “Cái Điểm” gần đầu cầu Tha La, thuộc ấp 3, xã

Suối Dây, huyện C (mục đích dụ anh Th đến cho Tr và V bắt giữ để đòi tiền cho Ch).

Sáng ngày 16-5-2019, V mang theo roi điện tự chế và điều khiển xe mô-tô, biển số 52L9-2162 chở Tr mang theo cuộn băng keo đi vào đường lô cao su thuộc xã S đơi sẵn; do bận công việc, anh Th nhờ anh Lê Anh Th(Lắm), sinh năm 1979, ngụ ấp Tân Nam, xã Tân Bình, huyện Tân Biên vào xã Suối Dây để Tuyết Anh dẫn đi xem cây cao su.

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 16-5-2019, anh Th điều khiển xe mô-tô Sirius, biển số 70H1-003.00 đến gặp Tuyết Anh (do không biết mặt trước) nên Tuyết Anh nhìn thấy anh Lê Anh Th(Lắm) nghĩ là anh Đào Văn Th nên kêu anh Th (Lắm) chở vào vườn cao su nơi Tr và V đang chờ sẵn; khi anh Th (Lắm) vừa đến Tr và V bịt khẩu trang xông đến khóa tay anh Th (Lắm) nhưng anh Th (Lắm) chống cự; Tr dùng roi điện tự chế chích vào người làm anh Th (Lắm) té ngã; V dùng băng keo trói, quấn ngang người anh Th (Lắm). Sau đó, V dùng điện thoại gọi cho Ch nói: *“giờ em bắt được ông rồi, tính sao chị”*; Ch trả lời là: *“chở thẳng vào nhà chị, chị đứng ngoài đường chị đón”*; nghe vậy anh Th (Lắm) nói: *“coi chừng mấy anh bắt nhầm người rồi”* nhưng V vẫn gọi cho Trần Ngọc T dùng xe taxi đến chở vào nhà Ch ; V và Tr dùng khẩu trang y tế bịt mắt và khống chế anh Th (Lắm) đưa lên taxi cho Tú chở vào nhà của Ch tại ấp Đồng Rùm, xã Th, huyện C, còn Tuyết Anh điều khiển xe mô-tô Sirius, biển số 70H1-003.00 của anh Th (Lắm) đến quán cà phê “Cái Điểm” gửi xe ở đó và đón taxi về nhà.

Tại nhà của Ch , khi nhìn thấy anh Th (Lắm) thì Ch nói: *“bắt nhầm người rồi”*, V trả lời: *“lỡ rồi làm luôn”*. Lúc này Ch , Lê Văn Th, V bàn với nhau giữ anh Th (Lắm) lại và đưa vào nhà kho của Ch . Tại đây, Ch đưa điện thoại yêu cầu anh Th (Lắm) gọi điện cho anh Th nói dối với anh Th theo yêu cầu của Ch là cây cao su đã mua được, hẹn gặp anh Th ở đầu đường vào Nông Tr 5 thuộc Suối Dây để đi xem cây, có 02 người ra rước, còn anh Th (Lắm) đang ở nhà chủ bán cây. Nói xong V và Tr tiếp tục trói tay anh Th (Lắm) vào thành ghế để tại nhà kho và dùng dây kẽm cột phía cửa ngoài, xong việc Ch bỏ ra phía sau làm công việc nhà.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, anh Th điều khiển xe mô-tô hiệu Sirius, màu đỏ đen đến điểm hẹn, để tạo lòng tin cho anh Th ; V nhờ Lê Văn Th lấy xe mô-tô, biển số 70H1-003.00 của anh Th (Lắm) mà Tuyết Anh đã gửi tại quán cà phê "Cái Điểm" điều khiển vào nhà của Ch để Tr và V điều khiển quay ngược ra gặp anh Th ; Tr lấy xe anh Th (Lắm) điều khiển chở V đi gặp anh Th ; V cầm theo điện thoại của anh Th (Lắm), còn Lê Văn Th được Tú lái taxi chở về.

Tại nhà, Ch kiểm tra phát hiện anh Th (Lắm) trốn thoát nên điện thoại cho V biết; V và Tr quay lại tìm anh Th (Lắm) nhưng không gặp. Lúc này, anh Th gọi vào số của anh Th (Lắm) thì V nghe máy và hẹn gặp tại vườn cao su

thuộc ấp 3, xã Suối Dây; như đã hẹn V và Tr dẫn anh Th đi sâu vào vườn cao su vắng người qua lại; Tú điều khiển taxi chở Lê Văn Th đi theo sau, khi anh Th vừa bước xuống xe thì V dùng roi điện chích vào người anh Th ; Tr dùng băng keo trói và đánh anh Th để đòi tiền. Lúc này, Tú chở Lê Văn Th đến để Lê Văn Th ở đó rồi lái xe về, cùng lúc này có 01 xe máy cày chạy tới sợ bị phát hiện nên V điều khiển xe mô-tô chở anh Th , Tr ngồi giữ phía sau đi vào sâu bên trong theo đường lô cao su khoảng 02 km. Tại đây, V và Tr tiếp tục đe dọa buộc anh Th phải trả tiền cho Ch ; sau đó V kêu Lê Văn Th, Tú và Tuyết Anh đi ra thị trấn C mua cơm hộp và dây rút để trói anh Th thì Lê Văn Th đồng ý và mua dây rút tại tiệm tạp hóa đối diện Coopmart Tân Châu.

Do bị hăm dọa và sợ tiếp tục bị đánh nên anh Th gọi điện thoại cho bạn tên Huỳnh Đức H, sinh năm 1978, ngụ ấp Hiệp Hòa, xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh mượn số tiền 100.000.000 đồng nhưng anh Huy chỉ có 95.000.000 đồng; V yêu cầu chuyển vào tài khoản của Đào Thị Kim Ngân, sau khi biết số tiền đã được chuyển, V, Tr thả anh Th ra; Tuyết Anh và Ngân đến Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Tân Châu rút tiền và gọi điện báo cho V biết là đã rút được 95.000.000 đồng.

Sau khi có tiền, Tuyết Anh đưa cho Ngân 10.000.000 đồng để Ngân đưa cho bà Hồng Thị Chung, sinh năm 1967, ngụ khu phố 3, thị trấn C là dì ruột của Tr cất giữ, khi đưa không nói rõ nguồn gốc số tiền; Tuyết Anh cho Ngân số tiền 15.000.000 đồng; số tiền còn lại V, Tr và Tuyết Anh giữ và bỏ trốn về Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi từ Thành phố Hồ Chí Minh trở về Tuyết Anh tiếp tục gửi cho mẹ ruột là bà Lương Thị Kim Dung, sinh năm 1966, ngụ khu phố 3, thị trấn C số tiền 19.500.000 đồng, gửi cho Cù Thị Kim Loan, sinh năm 1992, ngụ khu phố 1, thị trấn C (là em gái của Cù Quang V) số tiền 4.700.000 đồng nhưng không nói rõ là tiền gì.

Đến ngày 17-5-2019, anh Th và anh Th (Lắm) đến Công an huyện C trình báo sự việc. Đến ngày 18-5-2019, V, Tr và Tuyết Anh đến Công an thị trấn C đầu thú và giao nộp roi điện tự chế và một số vật chứng có liên quan.

Tại Cơ quan điều tra Cù Quang V, Lê Quốc Tr, Lâm Thị Tuyết A, Nguyễn Thị Ngọc Ch, Lê Văn Th, Trần Ngọc T và Đào Thị Kim Ngkhai nhận rõ hành vi phạm tội.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 92/2020/HS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch 02 (hai) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều

157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 04 (bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lâm Thị Tuyết A 02 (hai) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lâm Thị Tuyết A 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Bị cáo Lâm Thị Tuyết A phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 04 (bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

3. Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T (Tý) 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm hình sự của các bị cáo Cù Quang V, Lê Quốc Tr, Lê Văn Th, Đào Thị Kim Ngân; các biện pháp tư pháp; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, bị cáo Trần Ngọc T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; lý do là lao động chính của gia đình, cha mẹ lớn tuổi và nuôi 02 con nhỏ (lớn 03 tuổi, nhỏ 01 tuổi); đã thành khẩn khai báo;

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch có đơn kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và xin được hưởng án treo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, lý do tạo điều kiện để giải quyết khó khăn của gia đình, chăm sóc nuôi dạy 02 con;

Ngày 01 tháng 12 năm 2020, bị cáo Lâm Thị Tuyết Anh có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; lý do bị cáo đã thành khẩn khai báo; là lao động chính, chưa có tiền án tiền sự, luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật của nhà nước; chồng đang chấp hành án tại Nhà Tạm giữ Công an huyện C; hiện sống cùng cha mẹ chồng (đang bị bệnh tai biến, tiểu đường, ho lao) và đang nuôi 03 đứa con còn nhỏ (cháu nhỏ chỉ mới 02 tháng tuổi).

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại biện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch, Lâm Thị Tuyết A, Trần Ngọc T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng:

+ Nguyễn Thị Ngọc Ch: bị cáo đã biết lỗi, xin được xem xét lại để có điều kiện lo cho con.

+ Lâm Thị Tuyết A: xin được xem xét để được sớm về với gia đình để nuôi con còn nhỏ.

+ Trần Ngọc T: bị cáo đã biết lỗi, xin được xem xét cho bị cáo là lao động chính, đang nuôi vợ, mẹ già và hai con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”: tại cơ quan điều tra và trước phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Ch đã thừa nhận có hành vi thuê bị cáo Tr đòi nợ anh Th số tiền 160.000.000 đồng, với tiền công là 40% trên số tiền đòi được và Ch đã đưa trước cho Tr số tiền 5.000.000 đồng để làm Ch phí. Sau đó, Tr rủ Cù Quang V tham gia; V tiếp tục lôi kéo vợ là Lâm Thị Tuyết A cùng tham gia thực hiện. Quá trình tổ chức thực hiện việc bắt giữ anh Th và anh Th có sự chỉ đạo của bị cáo Ch, bất chấp việc bắt nhầm người, Ch vẫn chỉ đạo cho Tr và V đưa anh Th vào nhà kho khóa trái cửa lại. Trong khi thực hiện việc khống chế các bị hại, thì các bị cáo có dùng thủ đoạn như: V có dùng roi điện chích vào người anh Th; Tr có dùng băng keo trói và đánh anh Th để đòi tiền nhằm uy hiếp tinh thần của các bị hại nhằm lấy được tiền. Kết quả, do anh Th khiếp sợ nên gọi điện thoại cho bạn tên Huỳnh Đức H mượn tiền và được anh Huy đồng ý chuyển vào tài khoản của Đào Thị Kim Ng 95.000.000 đồng. Tuyết Anh và Ngân đến Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Tân Châu rút được 95.000.000 đồng. Mặc dù, Ch chưa nhận được số tiền nào trong số 95.000.000 đồng nhưng do tội “Cưỡng đoạt tài sản” là tội cấu thành hình thức, bị cáo Ch có hành vi chủ mưu, cầm đầu thuê mướn người khác tổ chức thực hiện thì đã đủ dấu hiệu cấu thành tội danh này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Ch về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi được nghe giải thích về pháp luật, bị cáo Ch đã rút lại lời kêu oan của bị cáo.

[3] Như vậy, Bản án Hình sự sơ thẩm số: 92/2020/HS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đã xét xử: các

bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch, Lâm Thị Tuyết A, Trần Ngọc T về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm a, d khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch, Lâm Thị Tuyết A về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan.

[4] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền tự do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, nên cần nghiêm trị.

[5] Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã có xem xét:

+ Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Ch , Tuyết Anh, Tú không có tình tiết tăng nặng.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo Ch , Tuyết Anh, Tú đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm có áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Tuyết Anh về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có cơ sở.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

6.1. Nguyễn Thị Ngọc Ch: là người thuê bị cáo Tr thực hiện hành vi đòi nợ và bị cáo Tr đã lôi kéo thêm bị cáo V; bị cáo V tiếp tục lôi kéo bị cáo Tuyết Anh cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội trong việc bắt giữ người cũng như cưỡng đoạt tài sản; do đó, trong vụ án này bị cáo Ch cùng một lúc phạm hai tội và giữ vai trò là người chủ mưu, cầm đầu, nên phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án. Lẽ ra, bị cáo Ch phải chịu mức án ngang bằng với mức án của bị cáo Tr và V mới thoả đáng nhưng Toà án cấp sơ thẩm lại xử mức án ngang bằng với mức án của bị cáo Tuyết Anh là không công bằng; song, do không có kháng cáo hoặc kháng nghị theo hướng tăng nặng nên Toà án cấp phúc thẩm không làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Từ đó, không thể chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

6.2. Lâm Thị Tuyết A: được bị cáo V rủ rê tham gia vào vụ án; bị cáo giữ vai trò là người giúp sức tích cực trong cả hai tội “Bắt, giữ người trái pháp luật và Cưỡng đoạt tài sản”. Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã có Ch ếu cố, xử dưới khung hình phạt của tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tổng hợp hình phạt cả hai tội là 04 năm tù là tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo gây ra, không nặng. Hơn nữa, bị cáo kháng cáo xin được giảm án hoặc xin được hưởng án treo nhưng không xuất trình thêm được các tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

6.3. Trần Ngọc T: là tài xế lái xe dịch vụ taxi, được V gọi điện thoại đến vườn cao su; tại đây, Tú đã chứng kiến việc V và Tr dùng khẩu trang y tế bịt mắt và khống chế anh Th (Lắm) đưa lên taxi cho Tú chở vào nhà của Ch tại ấp

Đồng Rùm, xã Th, huyện C; sau đó Tú dùng xe taxi chở Tuyết Anh đi ra thị trấn C mua cơm hộp và dây rút để trói anh Th ; bị cáo Tú giữ vai trò là người đồng phạm giúp sức trong tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, do mức độ phạm tội của bị cáo thấp nhất trong vụ án và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thỏa mãn các điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 và bị cáo không thuộc những Tr hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[7] Tóm lại, từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch, Lâm Thị Tuyết A; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc T; chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; sửa bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí: Theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Ch và bị cáo Tuyết Anh, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Tú không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[10] Ngoài ra, tại Bản án Hình sự phúc thẩm số: 24/2019/HSPT ngày 22-02-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã xử phạt bị cáo Cù Quang V 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, đang có hiệu lực pháp luật thi hành nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm tổng hợp theo quy định chung; do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh tiến hành tổng hai bản án theo quy định tại khoản 3 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch, Lâm Thị Tuyết A; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc T (Tý).

3. Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: 92/2020/HS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch 02 (hai)

năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch 02 (hai) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch phải chấp hành một hình phạt chung của 02 tội là 04 (bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lâm Thị Tuyết A 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lâm Thị Tuyết A 02 (hai) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lâm Thị Tuyết A phải chấp hành một hình phạt chung của 02 tội là 04 (bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

6. Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T (Tý) 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (27-01-2021), về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

6.1. Giao bị cáo T về Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6.2. Tr ợ hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

7. Về án phí: Căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ch , Lâm Thị Tuyết A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trần Ngọc T (Tý) không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. huyện C;
- Ch ịc THADS. huyện C;
- Công an huyện C;
- Phòng PV 06 CATTN;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN
(Bộ phận THAHS để tổng hợp
hình phạt 02 bản án);
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Mai Văn Triển

